

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1013/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2019

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Trang là Thư ký Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố G

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 920/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn TH

Địa chỉ: Xóm 3, thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh K

Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc Lan H

Địa chỉ: 346/51 N, Phường M, quận BT, Thành phố G

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn, các bản tự khai, các biên bản tại Tòa án nguyên đơn là ông Trịnh Văn TH trình bày: Ông Trịnh Văn TH và bà Trần Thị Ngọc Lan H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2013, giấy chứng nhận kết hôn số 84/2013, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận BT, Thành phố G cấp ngày 16/05/2013. Quá trình chung sống giữa ông TH và bà H hạnh phúc bên nhau đến năm 2016, sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, không thể hòa hợp, cuộc sống vợ chồng lục đục kéo dài, đến tháng 6/2018 bà H đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống và không còn liên lạc với ông TH và các con nữa. Ông TH phải một mình nuôi hai con nhỏ.

Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc cho cả hai, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông TH xin ly hôn với bà H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông TH xác nhận ông và bà H có 02 con chung là Trịnh Xuân Kh sinh ngày 13/7/2015 và Trịnh Xuân A sinh ngày 13/8/2013, ông TH xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi hai con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông TH xin tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông TH nộp.

Ngoài ra ông TH không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn là bà Trần Thị Ngọc Lan H: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà H không tham gia hòa giải và không tham gia phiên tòa hôm nay và không có ý kiến gì về các yêu cầu của ông Thao.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận BT tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường M quận BT: “Bà Trần Thị Ngọc Lan H, sinh năm 1990, có HKTT tại 346/51 N, Phường M, quận BT, nhưng không còn cư ngụ tại địa chỉ trên do nhà bán, đi đâu không rõ”.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tranh chấp ly hôn của ông Trịnh Văn TH đối với bà Trần Thị Ngọc Lan H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận BT, Thành phố G.

[2]. Về thủ tục:

Đối với nguyên đơn là ông Trịnh Văn Thao: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng do bận công việc, ông TH có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

Đối với bị đơn là bà Trần Thị Ngọc Lan H: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà H không tham gia hòa giải và không tham gia phiên tòa hôm nay.

Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của ông Trịnh Văn TH về việc xin ly hôn với bà Trần Thị Ngọc Lan H, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn giấy chứng nhận kết hôn số 84/2013, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận BT, Thành phố G cấp ngày 16/05/2013

số 84/2013, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận BT, Thành phố G cấp ngày 16/05/2013 thì quan hệ hôn nhân giữa ông TH và bà H là hợp pháp.

Căn cứ kết quả cung cấp chứng cứ của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, tỉnh K thì: Ông Trịnh Văn TH và bà Trần Thị Ngọc Lan H hiện không còn sống chung với nhau tại thôn Bách Lợi, xã Y, huyện Z, tỉnh K.

Căn cứ kết quả cung cấp chứng cứ của Ủy ban nhân dân Phường M, quận BT; Công an Phường M quận BT thì bà Trần Thị Ngọc Lan H cũng không còn sinh sống tại địa pH.

Hơn nữa, bà Trần Thị Ngọc Lan H trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà H không tham gia hòa giải và không tham gia phiên tòa hôm nay nên không có lời trình bày ý kiến của bị đơn. Điều đó cho thấy bà H không thiết tha hàn gắn, níu kéo tình cảm vợ chồng, chăm sóc con cái và xây dựng gia đình hạnh phúc.

Căn cứ Điều 19 của Luật hôn nhân và Gia đình thì “Vợ chồng có nghĩa vụ tH yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” thì mục đích hôn nhân mới đạt được.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa ông TH và bà H không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông TH với bà H là có cơ sở chấp nhận.

3.2. Về quan hệ con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 266/2019, quyền số 02/2005 do ủy ban nhân dân Phường M, quận BT cấp ngày 03/8/2015 và giấy khai sinh số 337/2013, quyền số 02/2013 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận BT cấp ngày 24/9/2013 thì ông TH và ba H có hai con chung là Trịnh Xuân A sinh ngày 13/8/2013 và Trịnh Xuân Kh sinh ngày 13/7/2015.

Căn cứ vào kết quả cung cấp chứng cứ của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, tỉnh K thì hiện trẻ do ông Trịnh Văn TH trực tiếp nuôi dưỡng. đồng thời bà Cúc cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con. Xét thấy, hiện ông TH và bà H không chung sống cùng nhau, trẻ A và Kh hiện tại đang sống cùng ông TH, do ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ. Vì vậy, để ổn định cuộc sống của cháu A và Kh thì việc giao hai cháu cho ông TH trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông TH không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Xét, đây là sự tự nguyện của ông TH, không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của ông Th.

3.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông TH xin tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung. Do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của ông TH và không xem xét thêm.

3.4. Về án phí: Án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, ông TH phải nộp.

Đối với phần phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận BT tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận BT đã nhận định đúng về thủ tục tố tụng và phân tích đúng nội dung của vụ án và đưa ra ý kiến giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trịnh Văn Thao.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Văn TH được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc Lan H.

2. Về quan hệ con chung: Giao trẻ Trịnh Xuân A sinh ngày 13/8/2013 và Trịnh Xuân Kh sinh ngày 13/7/2015 cho ông Trịnh Văn TH trực tiếp nuôi dưỡng, ông TH không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận ý kiến của ông TH về việc xin tự giải quyết và không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, ông TH phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông TH đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0020353 ngày 15/02/2019 của Chi cục thi hành án quận BT. Ông TH đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Trịnh Văn TH và bà Trần Thị Ngọc Lan H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- TAND Tp.G,
- VKSND Q.BT,
- Chi cục THADS Q.BT,
- UBND P. M, quận BT,
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Yên

